



QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã số: QC.BM.003

Hà Nội, tháng 4/2023



MỤC LỤC

Chương I	3
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Mục đích.....	3
Điều 2. Phạm vi áp dụng.....	3
Điều 3. Tài liệu tham chiếu.....	3
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	3
Chương II	4
Điều 5. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.....	4
Điều 6. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.....	5
Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	6
Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị.....	6
Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.....	6
Điều 11. Đương nhiên mất tư cách.....	7
Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	7
Điều 13. Đình chỉ, tạm đình chỉ thành viên Hội đồng Quản trị.....	8
Điều 14. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị.....	8
Điều 15. Cơ cấu Hội đồng Quản trị.....	9
Điều 16. Ủy ban Quản lý Rủi ro.....	9
Điều 17. Ủy ban Nhân sự.....	10
Điều 18. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị.....	11
Chương III	11
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.....	11
Điều 20. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	14
Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	16
Điều 22. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị.....	17
Điều 23. Thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.....	19
Điều 24. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 25. Công khai các lợi ích có liên quan.....	21
Điều 26. Thù lao, tiền lương (nếu có) và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	21
Chương IV	22
NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC	22
Điều 27. Mọi quan hệ làm việc của Hội đồng Quản trị.....	22
Điều 28. Khen thưởng, kỷ luật.....	24
Chương V	25
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	25
Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	25
Điều 30. Hiệu lực thi hành.....	25



QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700169765, thay đổi lần thứ 20, ngày 29/09/2022;
- Theo đề nghị của Chánh văn phòng HĐQT,

QUY ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Thống nhất về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB/Ngân hàng).

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng trong toàn Hệ thống NCB, bao gồm Trụ sở chính, các Chi nhánh (gọi chung là Chi nhánh, trong đó có Phòng Giao dịch); các Khối Ngân hàng chuyên doanh và các Khối nghiệp vụ.

Điều 3. Tài liệu tham chiếu

3.1. Văn bản quy phạm pháp luật:

- a) Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- b) Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- c) Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài;
- d) Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.2. Văn bản định chế của NCB:

- a) Quy chế tổ chức hoạt động của Ngân hàng TMCP Quốc Dân, mã số QC.BM.028 ban hành ngày 22/11/2022;
- b) Các văn bản định chế khác có liên quan do NCB ban hành từng thời kỳ.

3.3. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những quy định, văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung của chúng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

4.1. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- 4.2. Ngân hàng/NCB: Là Ngân hàng TMCP Quốc Dân.
- 4.3. Điều lệ Ngân hàng là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đồng ý ký ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 4.4. Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- 4.5. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- 4.6. Luật CTCTD năm 2010 là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010 và được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD năm 2017 (Sau đây gọi tắt là Luật CTCTD).
- 4.7. Người quản lý Ngân hàng bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ Ngân hàng quy định (nếu có).
- 4.8. Người điều hành Ngân hàng bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương khác theo quy định/quyết định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.
- 4.9. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- 4.10. Cổ đông lớn của Ngân hàng là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
- 4.11. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.
- 4.12. Công ty liên kết của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.
- 4.13. Công ty con của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

- 5.1. Hội đồng quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó phải đảm bảo có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và thành viên không điều hành.
- 5.2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số Thành viên HĐQT của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

Điều 6. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị

Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế thành viên HĐQT bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên HĐQT:

- 7.1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi.
- 7.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tạm giam, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.
- 7.3. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.
- 7.4. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.
- 7.5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng.
- 7.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng.
- 7.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, Điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
- 7.8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã lại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng.
- 7.9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó.
- 7.10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
- 7.11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn,

mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

7.12. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên HĐQT của Ngân hàng:

- 8.1. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
- 8.2. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Ngân hàng hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
- 8.3. Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng không được đồng thời là người Điều hành của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác.
- 8.4. Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng không được đồng thời là Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- 9.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 7 của Quy chế này;
- 9.2. Có đạo đức nghề nghiệp;
- 9.3. Có bằng đại học trở lên;
- 9.4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
- 9.5. Không được làm thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty.
- 9.6. Đối với thành viên HĐQT độc lập: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các khoản 9.1, 9.2, 9.3, 9.4 và 9.5 Điều này, phải bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.
- 9.7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- 10.1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kể trước đó.
- 10.2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên HĐQT.
- 10.3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.

Mã số: QC.BM.003

Lần ban hành: 08

- 10.4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
- 10.5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách

- 11.1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách Thành viên HĐQT:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b) Vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế này;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
- 11.2. Chủ tịch và thành viên HĐQT sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 11.3. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của những người bị đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 11.1 Điều này sẽ đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

- 12.1. Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế, khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi;
 - b) Có đơn xin từ chức gửi HĐQT của Ngân hàng;
 - c) Không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên HĐQT độc lập;
 - d) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 Luật CTCTD.
 - f) Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng, cổ đông.
 - g) Không trung thành với lợi ích của Ngân hàng thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng, cổ đông.
 - h) Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...)

- và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Ngân hàng.
- i) Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng;
 - j) Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.
 - k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- 12.2. Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 12.3. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y sẽ đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.

Điều 13. Đình chỉ, tạm đình chỉ thành viên Hội đồng Quản trị

- 13.1. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT của Ngân hàng có thể bị Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.
- 13.2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên HĐQT vi phạm quy định tại Điều 8 của Quy chế này, vi phạm quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao, có thể bị Ngân hàng Nhà nước đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn.
- 13.3. Chủ tịch và các thành viên HĐQT có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.
- 13.4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của HĐQT và Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước hoặc các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

- 14.1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên HĐQT (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch HĐQT.
- 14.2. Chủ tịch HĐQT muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT theo quy định hiện hành của pháp luật.
- 14.3. Thành viên HĐQT muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 14.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba). Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 59.3 Điều lệ Ngân hàng;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
- 14.5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
- 14.6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý.
- 14.7. Trường hợp cả Chủ tịch và/hoặc Phó chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 15. Cơ cấu Hội đồng Quản trị

- 15.1. Cơ cấu HĐQT gồm có các Ủy ban trực thuộc HĐQT hoạt động thường xuyên: Ủy ban Quản lý rủi ro; Ủy ban Nhân sự; Bộ máy tư vấn, giúp việc của HĐQT (Thư ký HĐQT, Trợ lý, Cố vấn, Văn phòng HĐQT).
- 15.2. Ngoài các cơ cấu nói trên, khi cần thiết, HĐQT có thể thành lập các Hội đồng hay Ủy ban khác hoạt động thường xuyên, hoặc hoạt động để giải quyết một/một số vấn đề nhất định và tự động giải thể khi kết thúc công việc.
- 15.3. Chức năng, nhiệm vụ và cơ chế làm việc của các Ủy ban, Hội đồng và bộ máy giúp việc do HĐQT quy định trong các văn bản riêng, trong đó tối thiểu phải gồm có các vấn đề sau đây:
 - a) Số lượng thành viên và trách nhiệm của từng thành viên;
 - b) Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban, Hội đồng;
 - c) Các kỳ họp định kỳ;
 - d) Việc họp bất thường;
 - e) Việc đưa ra quyết định;
 - f) Cơ chế phán quyết của HĐQT đối với các ý kiến đề xuất của Ủy ban, Hội đồng và bộ máy giúp việc.

Điều 16. Ủy ban Quản lý Rủi ro

- 16.1. Ủy ban Quản lý Rủi ro gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, do một thành viên HĐQT làm Chủ tịch/Trưởng Ban và các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch/Trưởng ban của Ủy ban Quản lý Rủi ro không được đồng thời làm Chủ tịch/Trưởng Ban của Ủy ban Nhân sự. Tối thiểu 01 (một) thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro phải là thành viên HĐQT độc lập. Đồng thời, Ủy ban Quản lý rủi ro phải đảm bảo

có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành.

16.2. Ủy ban Quản lý Rủi ro có các chức năng sau:

- a) Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- b) Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- c) Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
- d) Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.
- e) Các chức năng, nhiệm vụ khác quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro do HĐQT phê chuẩn.
- f) Khi cần thiết, HĐQT có thể quy định bổ sung một số chức năng khác cho Ủy ban Quản lý rủi ro để đáp ứng nhu cầu và phù hợp tình hình hoạt động thực tế của Ngân hàng.

Điều 17. Ủy ban Nhân sự

17.1. Ủy ban Nhân sự gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, do một thành viên HĐQT làm Chủ tịch/Trưởng Ban. Ủy ban Nhân sự có các thành viên là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT. Đồng thời, Ủy ban Nhân sự phải đảm bảo có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành.

17.2. Ủy ban Nhân sự có chức năng sau:

- a) Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT về vấn đề tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Ngân hàng.
- b) Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu quản trị điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và định hướng chiến lược phát triển của Ngân hàng.
- c) Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT. Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
- d) Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- e) Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định, chính sách nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về vấn đề quản lý và phát triển nhân sự.
- f) Thông qua, phê duyệt các vấn đề về nhân sự theo quy định phân cấp từng thời kỳ của

HĐQT.

- g) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự.
- h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT để đáp ứng nhu cầu và phù hợp tình hình hoạt động thực tế của Ngân hàng.

Điều 18. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị

- 18.1. Bộ máy giúp việc của HĐQT thông thường bao gồm Văn phòng HĐQT, các Ban chuyên trách do HĐQT quyết định thành lập theo nhu cầu từng thời kỳ. Thành phần bộ máy giúp việc bao gồm: Chánh, Phó chánh Văn phòng HĐQT; Trưởng/ Phó Trưởng ban chuyên trách, Thư ký HĐQT, Trợ lý và các chuyên viên/nhân viên khác.
- 18.2. Các chức danh Chánh văn phòng HĐQT, Trưởng/ phó trưởng ban chuyên trách do Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm trên cơ sở ý kiến thông qua của HĐQT.
- 18.3. Các chức danh khác thuộc bộ máy giúp việc do Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, phân công trên cơ sở đề nghị của Trưởng ban, Chánh Văn phòng HĐQT.
- 18.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ban, Văn phòng HĐQT do HĐQT quyết định.
- 18.5. HĐQT có thể có các nhân viên giúp việc chuyên trách khác; số lượng và nhiệm vụ cụ thể của các chức danh này do HĐQT quyết định.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị

HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, Luật doanh nghiệp, Luật CTCTD, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan như sau:

- 19.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 19.2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.
- 19.3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng
- 19.4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, và các hình thức đại diện thương mại khác của Ngân hàng theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- 19.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT và các chức danh khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- 19.6. Quyết định người đại diện Ngân hàng trực tiếp tham gia giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 20.5 Điều này bao gồm cả việc thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để giải quyết các khiếu nại.
- 19.7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn Điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- 19.8. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu tại công ty con của Ngân hàng, trừ trường hợp vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- 19.9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 10% trở lên so với vốn Điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 19.10. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- 19.11. Phê duyệt cấp tín dụng, phê duyệt xử lý rủi ro tín dụng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng; Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật CTCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.
- 19.12. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- 19.13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng, việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
- 19.14. Ban hành các Quy chế nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
- 19.15. Ban hành, sửa đổi, bổ sung Chính sách quản lý rủi ro; Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định của pháp luật và quản lý rủi ro đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới. Cụ thể:

a) Đối với kiểm soát nội bộ:

HĐQT giám sát Tổng giám đốc trong việc:

- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin;
- Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của NCB;
- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
- Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo

đức nghề nghiệp;

- Các nội dung khác do HĐQT quy định.

b) Đối với quản lý rủi ro:

HĐQT giám sát Tổng giám đốc trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro trong việc:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro;
- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
- Các nội dung khác do HĐQT quy định.

c) Đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn:

HĐQT giám sát Tổng giám đốc trong việc:

- Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;
- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
- Các nội dung khác do HĐQT quy định.

d) Quản lý rủi ro đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới:

HĐQT phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. Tổng giám đốc phê duyệt kế hoạch cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới.

- 19.16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- 19.17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- 19.18. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- 19.19. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 19.20. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- 19.21. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
- 19.22. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định pháp luật.
- 19.23. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 19.24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị có quyền quy định quy chế tổ chức, làm việc của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác có liên quan trong trường hợp (i) Đại hội đồng cổ đông được họp theo phương thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc (ii) Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức gửi fax, thư điện tử hoặc hình thức

điện tử khác.

- 19.25. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; quyết định phương thức họp Đại hội đồng cổ đông bằng các phương thức họp trực tiếp, họp thông qua hội nghị trực tuyến hoặc phương thức khác; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 19.26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
- 19.27. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- 19.28. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
- 19.29. Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông, và người gửi tiền.
- 19.30. Tuân thủ đúng các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Ngân hàng và của pháp luật.
- 19.31. Trích lập và sử dụng các quỹ; Chia cổ tức (mức chia, thời hạn và thủ tục chia) theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 19.32. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.
- 19.33. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng; yêu cầu phá sản Ngân hàng.
- 19.34. Xây dựng, phê duyệt và/hoặc trình NHNN phê duyệt và triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu. Báo cáo NHNN đầy đủ, kịp thời, trung thực kết quả, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có) về việc thực hiện cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định của pháp luật.
- 19.35. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 20. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 20.1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Việc bầu Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 23.1 Điều 23 Quy chế này. Chủ tịch HĐQT phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- 20.2. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, chịu trách nhiệm cao nhất trước HĐQT, Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật trong việc tổ chức hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
- 20.3. Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ, quyền hạn sau:
 - a) Làm việc theo chế độ chuyên trách; phụ trách, quản lý chung hoạt động của HĐQT và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác được HĐQT giao quyền.
 - b) Thay mặt HĐQT triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

- d) Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT; chỉ định Thư ký cuộc họp Hội đồng quản trị.
- e) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- f) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- g) Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
- h) Ký văn bản ủy quyền cho một trong số các thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt.
- i) Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
- j) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT trong việc thực hiện công tác quản trị, điều hành hoạt động của Ngân hàng.
- k) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
- l) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
- m) Quyết định việc mời các chuyên gia tư vấn và thành lập các Hội đồng tư vấn cho HĐQT nếu cần thiết.
- n) Chỉ đạo các hoạt động cần thiết để thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
- o) Trực tiếp phê duyệt, quyết định, chỉ đạo công việc liên quan tới hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong phạm vi được HĐQT phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT theo các quy định nội bộ của Ngân hàng và theo quy định của pháp luật.
- p) Ký các văn bản, tài liệu xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc các văn bản khác theo quy định của pháp luật hoặc trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước có yêu cầu đích danh Chủ tịch HĐQT ký, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Nghị quyết, quyết định, biên bản, tờ trình và văn bản khác của HĐQT;
 - Văn bản phê duyệt và/hoặc quyết định ban hành các chính sách, quy định hoặc các vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền của Ủy ban, Hội đồng mà Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch của Ủy ban, Hội đồng đó;
 - Các văn bản triển khai, thực hiện nghị quyết HĐQT, ĐHĐCĐ và các công việc quản trị Ngân hàng;
 - Các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh quy định tại Khoản 5 Điều 20 Quy chế này;
 - Các văn bản, tài liệu khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định của pháp luật.
- q) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

20.4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc một thành viên khác

để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT tạm thời không làm việc được hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

- 21.1. Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- 21.2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng Quy chế nội bộ của HĐQT, các quy định nội bộ của Ngân hàng và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.
- 21.3. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.
- 21.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được từ các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.
- 21.5. Không được cạnh tranh không lành mạnh với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.
- 21.6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Khoản 4.11 Điều 4 của Quy chế này vay vốn Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.
- 21.7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.
- 21.8. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- 21.9. Tham dự các cuộc họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về quyết định của mình.
- 21.10. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
- 21.11. Nghiên cứu, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Ngân hàng. Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng, kế hoạch hoạt động và kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- 21.12. Trực tiếp phê duyệt, quyết định, chỉ đạo công việc liên quan tới hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong phạm vi được HĐQT phân cấp, ủy quyền cho thành viên HĐQT theo các quy định nội bộ của Ngân hàng và theo quy định của pháp luật.
- 21.13. Tham gia các Ủy ban, Hội đồng của Ngân hàng với tư cách thành viên theo đúng quy định nội bộ Ngân hàng và trực tiếp theo dõi, quản lý, phụ trách một hoặc một số mảng hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng theo phân công trực tiếp của Chủ tịch HĐQT. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên HĐQT về các mảng hoạt động nghiệp vụ được quy định trong các văn bản phân công, giao việc của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp chưa có các văn bản quy định cụ thể thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách

có trách nhiệm phản ánh với Chủ tịch HĐQT để thống nhất về nhiệm vụ, quyền hạn và những nội dung liên quan trong mảng công việc được phân công. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc.

- 21.14. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
- 21.15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường.
- 21.16. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- 21.17. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
- 21.18. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Ngân hàng;
- 21.19. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 21.20. Được Ngân hàng mua Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.
- 21.21. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 22. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

- 22.1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 22.2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do HĐQT quyết định.
- 22.3. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 22.4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có đề nghị của:
 - a) Thành viên độc lập HĐQT hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT;
 - b) Trưởng Ban kiểm soát hoặc đa số thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - d) Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 22.5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 23.4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối

với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

- 22.6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 22.7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của đa số thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc, người triệu tập họp có thể tổ chức ngay sau khi gửi thông báo mời họp; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp.
- 22.8. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT (và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác nếu được mời) có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra cuộc họp để HĐQT quyết định sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- 22.9. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
- 22.10. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng thư, fax, thư điện tử. Thành viên HĐQT cũng được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Người được ủy quyền phải cam kết bảo mật thông tin và thành viên HĐQT chấp thuận cho người được ủy quyền tham dự cuộc họp phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin nội dung họp đối với người được ủy quyền.
- 22.11. Biểu quyết:
- Mỗi thành viên HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
 - Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng ký với doanh nghiệp có liên quan tới thành viên HĐQT đó theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp hoặc theo quy định tại Khoản 26.1 Điều 26 Quy chế này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

- 22.12. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên HĐQT nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT, tại đây HĐQT sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
- 22.13. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 23.10 Điều này;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến như videoconference, teleconference... hoặc hình thức tương tự khác;
 - Gửi ý kiến/phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử và các phương tiện khác phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 22.14. HĐQT quyết định tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tiếp.
- Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin để họp HĐQT theo quy định tại Khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp HĐQT và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.
- 22.15. Biểu quyết đa số: Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số các thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết bỏ phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).

Điều 23. Thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

- Chủ tịch HĐQT quyết định và tổ chức việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
- Tài liệu, thủ tục, phương thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
- Thư ký kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập hoặc tối thiểu một thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

- c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT, người chứng kiến, giám sát.
- 23.4. Thư ký tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người chứng kiến, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 23.5. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT hoặc có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 23.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Quyết định, Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 24. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

- 24.1. Các cuộc họp của HĐQT/thường trực HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này (trừ tiết i) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác

của nội dung biên bản họp HĐQT

- 24.2. Sau khi cuộc họp kết thúc, Thư ký cuộc họp soạn thảo, trình Chủ tịch HĐQT ký Nghị quyết phiên họp/ Thông báo chỉ đạo triển khai Nghị quyết HĐQT (một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề) gửi cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát để thực hiện, giám sát, đồng thời lưu giữ tại Bộ phận Thư ký giúp việc cho HĐQT và Văn phòng của Ngân hàng.
- 24.3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Văn phòng HĐQT của Ngân hàng.
- 24.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 25. Công khai các lợi ích có liên quan

- 25.1. Thành viên HĐQT phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
 - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
- 25.2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 25.1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- 25.3. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và các lợi ích có liên quan được kê khai theo quy định tại Khoản 25.1 và 25.2 Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật.
- 25.4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 25.1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 25.2 Điều này.
- 25.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.

Điều 26. Thù lao, tiền lương (nếu có) và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

- 26.1. Chủ tịch và các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được hưởng thù lao công vụ, tiền lương (nếu có) và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mức thù lao, kinh phí hoạt động của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua hàng năm. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên HĐQT và số phí công vụ mà mỗi thành viên HĐQT đã nhận sẽ được liệt kê đầy đủ trong Thuyết

minh Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm của Ngân hàng.

- 26.2. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT kiêm nhiệm công việc tại các Tiểu ban/ủy ban/Hội đồng của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, thì ngoài khoản thù lao, tiền lương (nếu có), tiền công, phụ cấp được trả, Thành viên HĐQT đó có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 26.3. Thù lao, tiền lương (nếu có), tiền công và các chi phí hợp lý khác của các thành viên HĐQT, chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương IV **NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC**

Điều 27. Mối quan hệ làm việc của Hội đồng Quản trị

- 27.1. Đối với bên ngoài: Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy nhiệm quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước và các pháp nhân bên ngoài với tư cách nhân danh HĐQT và nhân danh Ngân hàng.
- 27.2. Đối với Cổ đông: HĐQT với tư cách đại diện cổ đông thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng. Do đó, HĐQT phải chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Ngân hàng, kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường/HĐQT có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu đối với HĐQT và cung cấp kịp thời và đầy đủ cho các cổ đông những thông tin cần thiết trong giới hạn được cung cấp.
- 27.3. Đối với Ban Kiểm soát:
- a) HĐQT với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
 - b) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban Kiểm soát.
 - c) Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp HĐQT phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên HĐQT.
 - d) Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
 - e) Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến Ban Kiểm soát.

- f) HĐQT có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban Kiểm soát.
- g) Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban Kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT.
- h) Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến HĐQT theo quy định.
- i) Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

27.4. Đối với Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý điều hành:

- a) HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của NCB, triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- b) Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên trong Ban Điều hành, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc của Ngân hàng để nắm rõ tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.
- c) Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và bất kỳ cán bộ quản lý tại các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc của Ngân hàng. Cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.
- d) HĐQT có trách nhiệm tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ điều hành có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho Ngân hàng. Khi lựa chọn Tổng Giám đốc, HĐQT phải bảo đảm rằng Tổng Giám đốc có khả năng quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày để đạt được mục tiêu kế hoạch của Ngân hàng đề ra. Các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn phải được ưu tiên trong khi lựa chọn Tổng Giám đốc và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 50 Luật CTCTD.
- e) HĐQT tạo điều kiện cho Tổng Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời có trách nhiệm theo dõi, giám sát để kịp thời xử lý mọi sai phạm của cán bộ điều hành các cấp trong toàn hệ thống Ngân hàng.
- f) HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát.
- g) Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành, quản lý Ngân hàng có trách nhiệm và nghĩa vụ thường xuyên cung cấp thông tin, văn bản liên quan đến việc thực hiện các chỉ đạo, chủ trương, nghị quyết, quyết định, cơ chế, quy chế điều hành và kinh doanh của Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT cho Chủ tịch và các thành viên HĐQT và những người được HĐQT chỉ định.
- h) Thành viên HĐQT được HĐQT ủy quyền họp giao ban hàng tuần với Ban điều hành, tham dự các buổi giao ban tháng mở rộng của Ban điều hành; thường xuyên làm việc

với Sở giao dịch, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc, qua đó thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra, giám sát của HĐQT, đồng thời lắng nghe và xử lý kịp thời các kiến nghị có liên quan đến chủ trương, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền.

- i) Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện thấy vấn đề bất lợi cho Ngân hàng thì Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét điều chỉnh lại cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh thì Tổng giám đốc có nghĩa vụ phải thực hiện Nghị quyết, quyết định nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình.
- j) Trường hợp Tổng Giám đốc không điều hành tại Hội sở chính (do đi công tác, nghỉ phép hàng năm hoặc lý do khác), thì thực hiện như sau:
 - Từ 01 ngày làm việc trở lên, Tổng Giám đốc ủy quyền cho một Phó Tổng Giám đốc thay mình giải quyết công việc điều hành Ngân hàng;
 - Từ 02 ngày đến 04 ngày làm việc, Tổng Giám đốc ủy quyền cho một Phó Tổng Giám đốc thay mình giải quyết công việc điều hành Ngân hàng và phải báo cáo Chủ tịch HĐQT.
 - Từ 05 ngày làm việc trở lên phải được Chủ tịch HĐQT phê duyệt, chấp thuận ủy quyền cho một Phó Tổng Giám đốc thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết công việc điều hành Ngân hàng.

27.5. Quan hệ với tổ chức Công đoàn:

- a) HĐQT tạo điều kiện về tài chính và thời gian để Ban chấp hành công đoàn cơ sở, Công đoàn thành viên, Công đoàn bộ phận làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.
- b) HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký Thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành công đoàn cơ sở.
- c) Đại diện Ban chấp hành công đoàn tham gia Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật để bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động.
- d) HĐQT xây dựng cơ chế để Ban chấp hành công đoàn cơ sở giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng của Ngân hàng.

Điều 28. Khen thưởng, kỷ luật

28.1. Các thành viên HĐQT và bộ máy điều hành các cấp của Ngân hàng có trách nhiệm tuân thủ và thi hành Quy chế này.

28.2. HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân thành viên HĐQT.

28.3. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc cá nhân thành viên HĐQT được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, tiền lương (nếu có), thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, tiền lương (nếu có), thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì HĐQT sẽ trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

28.4. Mọi vi phạm Quy chế này (nếu có) sẽ do HĐQT xử lý bằng biện pháp hành chính.

28.5. Riêng đối với những vi phạm của các thành viên HĐQT có ảnh hưởng nặng nề đến tài sản,

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB

lợi ích hay uy tín của Ngân hàng sẽ do HĐQT bàn bạc thống nhất đưa ra Đại hội đồng cổ đông gần nhất để xin miễn nhiệm, bãi nhiệm và truy cứu trách nhiệm nếu thấy cần thiết.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

- 29.1. Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quá trình phát triển của Ngân hàng, trên cơ sở Điều lệ, quy định nội bộ của NCB và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 29.2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của HĐQT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì quy định của Pháp luật đó được áp dụng và điều chỉnh tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

- 30.1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 08/04/2023 và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, mã số QC.BM.003 ban hành ngày 18/06/2022.

Đối với quy định tại khoản 8.4 Điều 8 Quy chế này, Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày 26/06/2020 mà chưa đáp ứng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD năm 2017 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn bổ nhiệm.

- 30.2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định và phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- 30.3. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định khác của NCB. Khi có những nội dung tại văn bản nội bộ của NCB (trừ Điều lệ Ngân hàng) trái với các quy định tại Quy chế này thì các nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực.
- 30.4. Các Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc; Giám đốc các Khối/Trung tâm tại trụ sở chính; Giám đốc các Chi nhánh và các đơn vị, cá nhân liên quan của Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKS;
- TGD, các PTGD;
- Các Khối/Trung tâm tại Trụ sở chính;
- Các Chi nhánh, Phòng Giao dịch;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

